

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B Đ
TỈNH B PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 53/2020/HSST

Ngày: 25/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B Đ TỈNH B PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa Phiên tòa: Bà: Lâm Thị Chức

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Quýt
Bà Điều Thị Hương

Thư ký Phiên tòa: Ông Lý Văn Hơn - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ tham gia Phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Lâm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B Đ, tỉnh B Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 52/2020/HSST ngày 03 tháng 9 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2020/HS- QĐXXST ngày 14 tháng 9 năm 2020; Đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Văn Ph**, sinh năm: 1995; HKTT: Ấp T L, xã T Th, huyện B Đ, tỉnh B Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 05/12; Con ông Trần Văn S, sinh năm: 1969 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1972; Bị cáo có 01 người anh sinh năm 1993;

Tiền án: Ngày 21/3/2018, bị Tòa án nhân dân huyện B Đ xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/3/2020.

- Ngày 23/8/2011, bị Tòa án nhân dân huyện B Đ xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 07/8/2014, bị Tòa án nhân dân huyện B Đ xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 25/11/2015, bị Tòa án nhân dân huyện B Đ xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 20/7/2020 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện B Đ. Bị cáo có mặt tại Phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm: 1999; HKTT: Ấp T Ph, xã T Th, huyện B Đ, tỉnh B Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề

nghề: Không; Trình độ học vấn: 05/12; Con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1972 và bà Đặng Thị Thu H1; sinh năm: 1980; Bị cáo có 03 anh chị em lớn nhất sinh năm: 1995, nhỏ nhất sinh năm: 2002.

Tiền án: Ngày 17/9/2019, bị Tòa án nhân dân huyện B Đ xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/11/2019.

Tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 08/5/2020 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện B Đ. Bị cáo có mặt tại Phên tòa.

3. Lê Văn B, sinh năm: 1993; HKTT: Ấp T L, xã T Th, huyện B Đ, tỉnh B Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Lê Văn Th, sinh năm: 1964 và bà Nguyễn Thị Th1, sinh năm: 1968; Bị cáo có vợ tên: Vũ Thị Tr, sinh năm: 1996; Có 01 người con sinh năm 2016. Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại Phên tòa.

Bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị Th2, sinh năm: 1970;
HKTT: Ấp T Ph, xã T Th, huyện B Đ, B Phước – có đơn yêu cầu vắng mặt;
2. Ông Phạm Hoài Ngh, sinh năm: 1960;
HKTT: Ấp T H, xã T Th, huyện B Đ, B Phước – có đơn yêu cầu vắng mặt;

Người làm chứng:

- Bà Phùng Thị Nh, sinh năm: 1986;
Địa chỉ: Ấp T H, xã T Th, huyện B Đ, tỉnh B Phước – có đơn yêu cầu vắng mặt;
- Nguyễn Thị Ch, sinh năm: 1977;

Chỗ ở: Ấp T Ph, xã T Th, huyện B Đ, tỉnh B Phước – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ sáng ngày 13/4/2020, Trần Văn Ph gọi điện rủ Nguyễn Văn Đ đến nhà trọ ở Ấp T H, xã T Th, huyện B Đ, tỉnh B Phước để đi trộm cắp tài sản. Lúc này Đ đang đi chơi cùng hai người bạn tên U và T (đều không rõ nhân thân lai lịch), Đ nhờ T chở Đ và U đến gặp Ph rồi nói T đi về. Lúc này Ph đem theo 01 xà beng bằng sắt dài khoảng 50cm, 01 kìm cắt sắt dài khoảng 40cm cùng Đ và U đi xe mô tô (không rõ biển số) chạy vào khu vực Ấp T H, xã T Th tìm tài sản để trộm cắp. Khi đi đến nhà anh Phạm Hoài Ngh, Đ dừng xe và đứng ngoài cảnh giới; Ph và U đi vào nhà, phát hiện thấy bên hiên nhà để 01 bức tranh bằng gỗ Ph và U cùng lấy và cùng khiêng ra xe mô tô rồi cùng Đ chở về nhà Ph cất giấu, còn U bỏ đi đâu không rõ.

Sau đó, Đ tiếp tục điều khiển xe mô tô (không biển số) chở Ph vào khu vực Ấp T Ph, xã T Th để trộm cắp. Khi đi đến nhà bà Nguyễn Thị Th2, Đ dừng xe lại và đứng ngoài cảnh giới, còn Ph cầm kìm cắt sắt đi đến cổng cắt hàng rào lưới B40 rồi đi vào mở cửa vào trong nhà lấy trộm 04 bức tranh bằng gỗ hương, có kích thước (80 x 30)cm; 01 bức tranh bằng gỗ cẩm kích thước (80 x 23)cm; 01 tượng phật bằng gỗ gõ đỏ cao 30 cm, ngang 20cm rồi đem ra chỗ Đ đứng chờ. Ph để tượng phật bằng gỗ lên ba ga phía

trước rồi ngồi sau ôm 05 bức tranh bằng gỗ để Đ điều khiển xe mô tô chở về nhà nhà Đ cất giấu. Sau đó Ph điều khiển xe mô tô về nhà ngủ.

Khoảng 11 giờ cùng ngày, Ph nhờ Lê Văn B chở 03 bức tranh bằng gỗ lấy trộm của ông Nghị đem đi bán. B biết rõ đây là tài sản do trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý. Sau đó B chở 03 bức tranh nói trên đến bán cho bà Nguyễn Thị Ch ở ấp T L, xã T Thành nhưng bà Ch không mua. Ph và B tiếp tục chạy về nhà Đ chở 05 bức tranh bằng gỗ lấy trộm của bà Th2 đem đến bán cho bà Ch. Tại nhà Đ, sau khi xem 05 bức tranh gỗ, B hỏi “ tranh này lấy ở đâu” thì Đ trả lời do Đ và Ph lấy trộm lúc tối, sau đó cùng khiêng 05 bức tranh lên xe để B chở đi bán, trong lúc Ph, B và bà Ch đang thỏa thuận mua bán thì bị Công an xã T Th phát hiện chuyển cơ quan điều tra Công an huyện B Đ điều tra làm rõ.

Tại cơ quan điều tra ban đầu Ph không nhận tội, đến ngày 04/5/2020 Đ và B khai nhận đã thực hiện vụ trộm cắp tài sản, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có xảy ra ngày 13/4/2020 tại nhà bà Th2. Ngày 01/7/2020 Trần Văn Ph ra tự thú, khai nhận đã thực hiện vụ trộm cắp tài sản tại nhà bà Th2 cùng với Đ. Ngày 04/5/2020 ông Phạm Hoài Ngh đến trình báo bị mất 03 bức tranh gỗ. Từ kết quả điều tra, xác minh đến ngày 23/7/2020 thì Ph và Đ mới thừa nhận hành vi trộm cắp 03 bức tranh trong cùng ngày 13/4/2020 như nêu trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 41/2020/BKL-ĐGTS ngày 06/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B Đ xác định tại thời điểm ngày 13/4/2020 giá trị của: 04 bức tranh bằng gỗ hương, kiểu tranh xuân hạ thu đông, có kích thước (80 x 30)cm; 01 bức tranh bằng gỗ cẩm, kiểu tranh tình nghĩa vợ chồng, có kích thước (80 x 23)cm; 01 tượng phật tổ bằng gỗ gõ đỏ, có kích thước cao 30cm, chiều ngang 20cm có tổng trị giá: 3.190.000 đồng (Ba triệu một trăm chín mươi ngàn đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 42/2020/BKL - ĐGTS ngày 06/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B Đ xác định tại thời điểm ngày 13/4/2020 giá trị của: 01 bức tranh bằng gỗ gõ đỏ, kiểu tranh tứ quý, có kích thước (90 x 23)cm; 01 bức tranh bằng gỗ gõ đỏ, kiểu tranh tứ quý, có kích thước (75 x 28)cm; 01 bức tranh bằng gỗ bông lau, kiểu tranh Phúc Lộc Thọ, có kích thước (60 x 40)cm có tổng trị giá: 2.340.000 đồng (Hai triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng).

Cáo trạng số: 54/Ctr-VKS ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ truy tố bị cáo Trần Văn Ph về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Đối với bị cáo Lê Văn B về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự là đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như trong nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Về tội danh và mức hình phạt:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn Ph phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 50, điểm g khoản 1 Điều 52; điểm h s, r khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự và đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo từ 30 (ba mươi) đến 36 (ba mươi sáu) tháng tù.

2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 50; Điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điểm s, h khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, của Bộ luật hình sự và đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo từ 15 (mười lăm) đến 18 (mười tám) tháng tù.

3. Tuyên bố bị cáo Lê Văn B phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 323; Điều 50; điểm s, h, i khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự và đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại: Ông Phạm Hoài Ngh và bà Nguyễn Thị Th2 có đơn yêu cầu vắng mặt tại Phên tòa trong quá trình giải quyết vụ án ông Ngh, bà Th2 đã nhận lại được toàn bộ tài sản không yêu cầu gì thêm.

- Về vật chứng vụ án:

+ Tài sản là công cụ phạm tội gồm điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh của Trần Văn Ph; Điện thoại di động Nokia, màu đen của Lê Văn B đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước.

+ Xe mô tô hiệu Hon da, loại Wave, màu xanh, biển số: 93F3-9530 của bà Bùi Thị Thùy N cho bị cáo Trần Văn Ph mượn nhưng bà N không biết là Ph sử dụng vào việc phạm tội, vì vậy Cơ quan cảnh sát điều tra không đặt ra xử lý.

+ Đối với xe mô tô, loại Dream, không rõ biển số: Cây xà beng bằng sắt, dài khoảng 50cm; 01 kìm cắt sắt bằng sắt, dài khoảng 40cm là công cụ phạm tội các bị cáo đã bán cho người khác không thu hồi được.

Các bị cáo không tham gia tranh luận, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện B Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng; Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cũng không có khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Xuất phát từ mục đích tư lợi cá nhân, muốn có tiền tiêu xài nhanh chóng, lười lao động là các đối tượng nghiện ma túy, Khoảng 01 giờ sáng ngày 13/4/2020, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu về quản lý tài sản các bị cáo Trần Văn Ph cùng Nguyễn Văn Đ và U đã lén lút vào nhà ông Phạm Hoài Ngh ở khu vực Ấp T H, xã T Th lấy trộm 01 bức tranh bằng gỗ đỏ, kiểu tranh tứ quý, có kích thước (90x23)cm; 01

bức tranh bằng gỗ gõ đỏ, kiểu tranh tứ quý, có kích thước (75x28)cm; 01 bức tranh bằng gỗ bông lau, kiểu tranh Phúc Lộc Thọ, có kích thước (60x40)cm, sau đó Ph và Đ tiếp tục điều khiển xe mô tô đến nhà bà Nguyễn Thị Th2 thuộc khu vực Ấp T Ph, xã T Th thực hiện hành vi trộm cắp của bà Nguyễn Thị Th2 04 bức tranh bằng gỗ hương có kích thước (80 x30cm); 01 bức tranh bằng gỗ cẩm có kích thước (80 x23 cm); 01 tượng phật bằng gỗ gõ đỏ cao 30 cm rộng 20cm. Sau đó cả hai chở 05 bức tranh về nhà Đ cất giấu.

Khoảng 11 giờ cùng ngày Ph nhờ Lê Văn B chở các tài sản trên đi bán. B biết rõ các tài sản trên là do Ph, Đ trộm cắp được mà có nhưng do bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, vì muốn có tiền để sử dụng ma túy nên vẫn đồng ý đem đi tiêu thụ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 41/2020/BKL-ĐGTS ngày 06/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B Đ xác định tại thời điểm ngày 13/4/2020 giá trị của: 04 bức tranh bằng gỗ hương, kiểu tranh xuân hạ thu đông, có kích thước (80 x 30)cm; 01 bức tranh bằng gỗ cẩm, kiểu tranh tình nghĩa vợ chồng, có kích thước (80 x 23)cm; 01 tượng phật tô bằng gỗ gõ đỏ, có kích thước cao 30cm, chiều ngang 20cm có tổng trị giá: 3.190.000 đồng (Ba triệu một trăm chín mươi ngàn đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 42/2020/BKL-ĐGTS ngày 06/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B Đ xác định tại thời điểm ngày 13/4/2020 giá trị của: 01 bức tranh bằng gỗ đỏ, kiểu tranh tứ quý, có kích thước (90x23)cm; 01 bức tranh bằng gỗ gõ đỏ, kiểu tranh tứ quý, có kích thước (75x28)cm; 01 bức tranh bằng gỗ bông lau, kiểu tranh Phúc Lộc Thọ, có kích thước (60x40)cm có tổng trị giá: 2.340.000 đồng (Hai triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng).

Hành vi lén lút trộm cắp tài sản của người khác của các bị cáo Trần Văn Ph, Nguyễn Văn Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Hành vi của bị cáo Lê Văn B đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 173 và Điều 323 của Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ truy tố các bị cáo là đúng hành vi đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi: Hành vi trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, gây tâm lý bất ổn trong nhân dân tại địa bàn nơi xảy ra vụ án.

Các bị cáo là người thành niên ý thức rõ được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân một cách nhanh chóng nên các bị cáo đã cố tình thực hiện tội phạm, điều này thể hiện rõ thái độ xem thường pháp luật của các bị cáo rất là cao. Vì vậy, cần xử phạt mức án thật nghiêm tương ứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm, trong đó bị cáo Trần Văn Ph là người khởi xướng đồng thời là người thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản”, Nguyễn Văn Đ giữ vai trò cảnh giới giúp sức tích cực cho Ph và U thực hiện hành vi phạm tội được trót lọt. Do vậy bị cáo Ph phải chịu trách nhiệm hình sự cáo hơn bị cáo Đ.

Đối với Lê Văn B mặc dù biết tài sản trên là do Ph và Đ thực hiện nhưng vẫn đồng ý đem đi tiêu thụ vì vậy bị cáo B phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo Trần Văn Ph

Ngày 23/8/2011, bị Tòa án nhân dân huyện B Đ xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Ngày 07/8/2014, bị Tòa án nhân dân huyện B Đ xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Ngày 25/11/2015, bị Tòa án nhân dân huyện B Đ xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”

Ngày 21/3/2018, bị Tòa án nhân dân huyện B Đ xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị can đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/3/2020.

Bị cáo Ph chưa được xóa án tích bị cáo lại tiếp tục phạm tội nên bị cáo Ph phải chịu tình tiết tăng nặng thuộc trường hợp định khung, phạm tội hai lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự và

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ ngày 17/9/2019, bị Tòa án nhân dân huyện B Đ xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/11/2019. Bị cáo Đ chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên bị cáo Đ phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và phạm tội 2 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Lê Văn B không có tình tiết tăng nặng.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa; Các bị cáo Trần Văn Ph, Nguyễn Văn Đ, Lê Văn B thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn được qui định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo Ph ra tự thú được hưởng tình giảm nhẹ theo điểm r khoản 1 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Lê Văn B phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i của Bộ luật hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Phạm Hoài Ngh, bà Nguyễn Thị Th2 đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu gì. HĐXX không xét.

Đối với người thanh niên tên U, là người đã cùng Ph và Đ trộm cắp 03 bức tranh gỗ của ông Phạm Hoài Ngh và đối tượng tên T, do không xác định được nhân thân, lai lịch nên CQCSĐT không đề cập xử lý là có căn cứ. Hội đồng xét xử không xét.

Đối với bà Nguyễn Thị Ch không biết nguồn gốc tài sản các bức tranh, tượng gỗ là do trộm cắp mà có; Bà Phùng Thị Nh không biết Ph sử dụng xe mô tô của mình làm phương tiện phạm tội, vì vậy cơ quan cảnh sát Điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ. Hội đồng xét xử không xét.

[8] Xét quan điểm và đường lối xử lý của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ tại phiên tòa về hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[9] Về vật chứng:

+ Quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh của Trần Văn Ph; Điện thoại di động Nokia, màu đen của Lê Văn B là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội Hội đồng xét xử cần tịch thu sung quỹ nhà nước là có căn cứ.

+ Xe mô tô hiệu Hon da, loại Wave, màu xanh, biển số: 93F3-9530 của bà Bùi Thị Thùy Na cho bị cáo Trần Văn Ph mượn nhưng bà Na không biết là Ph sử dụng vào việc phạm tội, vì vậy Cơ quan cảnh sát điều tra không đặt ra xử lý là có căn cứ. Hội đồng xét xử không xét.

+ Đối với xe mô tô, loại Dream, không rõ biển số: Cây xa beng bằng sắt, dài khoảng 50cm; 01 kìm cắt sắt bằng sắt, dài khoảng 40cm là công cụ phạm tội các bị cáo đã bán cho người khác không thu hồi được. Hội đồng xét xử không xét.

[10] Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố các bị cáo Trần Văn Ph, Nguyễn Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Tuyên bố bị cáo Lê Văn B phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 50, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm h, s, r khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Trần Văn Ph 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 20/7/2020.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điều 50; Điểm h, g; Khoản 1 Điều 52, điểm h, s, r khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn Đ 18 (mười tám) tháng về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 08/5/2020.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 323: Điều 50, điểm b, s, i khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Lê Văn B 07 (bảy) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù kể từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra

[3] Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 BLHS 2015, Điều 106 BLTTHS 2015

Tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước 01 di động hiệu Nokia, màu xanh của Trần Văn Ph; 01 điện thoại di động Nokia, màu đen của Lê Văn B. Theo Biên bản giao nhận vật chứng số 0007651 ngày 03/9/2020 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện B Đ và Chi cục THADS huyện B Đ;

[3] Án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Các bị cáo Trần Văn Ph, Nguyễn Văn Đ, Lê Văn B mỗi người phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND B Phước;
- VKSND huyện B Đ;
- Công an huyện B Đ;
- Chi cục THADS huyện B Đ;
- Các bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lâm Thị Chúc